

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HS-ST
Ngày 10 - 9 - 2026

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Cương, ông Mương Văn Y.

- Thư ký phiên toà: Bà Anh Thị Thanh Tâm là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, từ ngày 08/9/2026 đến ngày 10/9/2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tuyên Quang, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 23/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Bồn Văn Đ, sinh ngày 01/4/1983, tại **xã G, tỉnh Tuyên Quang**; nơi cư trú: **Thôn N nay là thôn K, xã G, tỉnh Tuyên Quang**; căn cước số 002083006354 cấp ngày 25/6/2021 tại **Cục Q** về trật tự xã hội **Bộ C1**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bồn Văn Đ1**, sinh năm 1940 (đã chết) và bà **Trương Thị K**, sinh năm 1941 (đã chết); có vợ: **Trần Thị X**, sinh năm 1985 và con: có 06 con, lớn nhất 21 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi (có 03 con dưới 15 tuổi); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/7/2025, chuyển tạm giam từ ngày 07/8/2025 đến ngày 23/9/2025 tại Trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh T**. Ngày 23/9/2025 bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện bị cáo đang chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại **thôn K, xã G, tỉnh Tuyên Quang**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Lục Thùy L** – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh **Trung tâm T1** tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Bị hại: Ông **Thào Phái T**, sinh năm: 1969; nơi cư trú: **Thôn L, xã G, tỉnh Tuyên Quang**; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Thào Thị V**, sinh năm: 1985; nơi cư trú: **Thôn K, xã G, tỉnh Tuyên Quang**; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông **Giàng A H**, anh **Hầu Mí N**, anh **Vừ Mí C**; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ, ngày 28/7/2025, **Bồn Văn Đ** cùng một số người khác ăn cơm, uống rượu tại lán tạm của gia đình bà **Thào Thị V** (sinh năm 1985, trú tại **thôn K, xã G, tỉnh Tuyên Quang**). Trong quá trình ăn cơm uống rượu, bị cáo **Đ** và **Thào Phái T** xảy ra xích mích với nhau, **T** liên tục có lời lẽ chửi bới, xúc phạm và khiêu khích bị cáo **Đ**. Bản thân bị cáo **Đ** cũng bực tức, đáp trả bằng lời lẽ tương tự.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút, ông **T** đứng dậy đi ra ngoài lán và thách thức bị cáo **Đ**: “*Thích đánh nhau thì đi ra ngoài đường*”. Nghe vậy, bị cáo **Đ** đứng dậy chạy đến chỗ ông **T** đang đứng. Thấy bị cáo **Đ** lao tới, ông **T** chạy vòng quanh cột tre của lán để tránh rồi cả hai đuổi nhau ra ngoài đoạn đường đất liền **thôn K đi thôn K, xã G**. Khi đuổi kịp, bị cáo **Đ** đứng đối diện và dùng tay phải tát một cái trúng vào má bên trái của ông **T**. Sau khi bị tát, ông **T** lùi lại đi đến vị trí gần cột tre chống lán, nhặt 01 thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,18m, bốn cạnh kích thước (7x4x2x5) cm có khối lượng là 1,2kg rồi quay lại đứng đối diện với bị cáo **Đ**. Ông **T** dùng hai tay cầm thanh củi vụt theo hướng từ sau về trước, từ phải sang trái về phía bị cáo **Đ**. Bị cáo **Đ** đưa tay trái lên đỡ thì bị thanh củi đánh trúng vào bắp tay trái một phát rồi ông **T** dừng lại không tấn công bị cáo **Đ** nữa. Bực tức vì bị đánh vào tay trái, bị cáo **Đ** quay người lại tìm đồ vật để đánh lại thì nhìn thấy 01 thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,2m, ba cạnh kích thước (8x8x6) cm có khối lượng là 0,4kg nằm trên nền đất cách vị trí mình đang đứng khoảng 04m. Bị cáo **Đ** đi đến và nhặt lấy thanh củi này rồi quay lại đứng cách **Thào** 1,1m. Bị cáo **Đ** và ông **T** đứng đối diện nhau, bị cáo **Đ** dùng hai tay cầm thanh củi vụt theo hướng từ sau về trước, từ phải sang trái (*mục đích nhằm vào tay trái của **T** để gây thương tích trả đũa*). Lúc này ông **T** đột ngột cúi người xuống nên bị thanh củi vụt trúng vào vùng cẳng bên trái khiến ông **T** ngã ngửa ra phía sau, đầu đập xuống hòn đá trên nền đất và nằm bất tỉnh, thanh củi trên tay ông **T** rơi xuống bên cạnh. Bị cáo **Đ** vứt thanh củi của mình xuống cùng vị trí với thanh củi **T** đã sử dụng. Sự việc đánh nhau kết thúc.

Tại Bản kết luận giám định số 82/KLTTCT-PYQG ngày 16/7/2026, của **V1** kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của **Bộ Y** quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Thào Phái T** tại thời điểm giám định là:

- Sẹo vùng trán phải, kích thước nhỏ: 01%.
- Sẹo vùng đỉnh phải, kích thước nhỏ: 01%.
- Thương tích sau khi điều trị gãy xương hàm dưới bên trái:

+ Sẹo góc hàm trái kích thước nhỏ: 02% (*Sẹo phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới*).

+ Gãy xương hàm dưới can tốt: 09%.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là **13%** (*mười ba phần trăm*) theo phương pháp cộng tại Thông tư.

Cơ chế gây thương tích:

- Sẹo vùng trán phải, sẹo vùng đỉnh phải là di chứng vết thương do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

- Gãy xương hàm dưới do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

- Sẹo góc hàm trái là sẹo phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới.

Quá trình điều tra bị cáo **Bồn Văn Đ** đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại **Thào Phái T**, người làm chứng **Giàng A H**, **Hầu Mí N**, **Vừ Mí C** và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 13/CT-VKSTQG-KV, ngày 26/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang đã truy tố bị cáo **Bồn Văn Đ** về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Bồn Văn Đ** phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 của Bộ luật Dân năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 4 Điều 123, khoản 1 Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Bồn Văn Đ** từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2025 đến ngày 23/9/2025.

- Về biện pháp ngăn chặn: Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo **Bồn Văn Đ** với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại theo đó bị cáo **Bồn Văn Đ** có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thêm cho bị hại **T** Thào số tiền 9.000.000^d, thời điểm bồi thường kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, phương thức thanh toán trả làm một lần.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ đối với 01 (*một*) thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,2 mét, ba cạnh kích thước (8x8x6) cm có khối lượng là 0,4kg (*không phải bốn kilogam*); 01 (*một*) thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,18 mét, bốn cạnh kích thước (7x4x2x5) cm có khối lượng là 1,2kg (*một phải hai kilogam*).

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo **Bồn Văn Đ**.

Người bào chữa nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khung hình phạt, trách nhiệm dân sự, biện pháp ngăn chặn, án phí đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù.

Bị cáo tự bào chữa nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có tranh luận đối đáp gì với luận tội của Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt để sớm đoàn tụ với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Xét thấy người bào chữa và bị cáo đều đồng tình với luận tội của Viện kiểm sát đưa ra điều đó khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nên tôi không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm trở về với gia đình, xin hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt và quan điểm đối với việc giải quyết vụ án; vắng mặt những người làm chứng **Giàng A H**, **Hầu Mí N**, **Vừ Mí C** không có lý do. Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự số: 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 46/VBHN-VPQH, ngày 28/02/2025) xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo **Bồn Văn Đ** đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 28/7/2025, do có mâu thuẫn trong quá trình uống rượu, **Bồn Văn Đ** đã dùng hung khí nguy hiểm là 01 (một) thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,2 mét, ba cạnh kích thước (8x8x6) cm có khối lượng là 0,4kg (không phải bốn kilogam) đánh ông **Thào Phái T** gây thương tích cằm trái, vùng trán phải, vùng đỉnh phải, gãy xương hàm dưới bên trái với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho ông **Thào Phái T** là 13% (mười ba phần trăm).

[5] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Bồn Văn Đ**, phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 135/VBHN-VPQH, ngày 05/9/2025).

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người khác là khách thể được nhà nước bảo vệ, trong khi bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết xã hội nhất định nên nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng chỉ vì mâu thuẫn trong khi uống rượu mà bị cáo đã cố ý dùng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tích 13%, vì vậy cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã thực hiện, xử phạt bị cáo với mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội, biết tuân thủ các quy định của Nhà nước và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: Cần áp dụng khoản 4 Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự số: 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 46/VBHN-VPQH, ngày 28/02/2025) để quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo **Bồn Văn Đ** với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 135/VBHN-VPQH, ngày 05/9/2025).

[9] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động với gia đình để xin lỗi thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại về sức khỏe đối với bị hại được một phần là 2.400.000^d (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn có hạn chế, bị hại cũng có một phần lỗi dẫn đến xảy ra hành vi phạm tội của bị cáo,

bị cáo có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 135/VBHN-VPQH, ngày 05/9/2025) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[10] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của địa phương nơi cư trú.

[11] Ngày 14/8/2025 Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại thôn K, xã G xác định sự việc đánh nhau giữa Bồn Văn Đ và Thào Phái T xảy ra ngày 28/7/2025 diễn ra nhanh, không làm ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt của người dân, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội của địa phương nên không đủ yếu tố cấu thành tội gây rối trật tự công cộng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với Thào Phái T có hành vi dùng 01 thanh gỗ dạng củi đánh vào tay Bồn Văn Đ nhưng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 0%, chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an xã G, tỉnh Tuyên Quang để xử phạt hành chính đối với Thào Phái T về hành vi “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự*” quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo Bồn Văn Đ đã đến gia đình Thào Phái T xin lỗi và thống nhất bồi thường số tiền 11.400.000 đồng (*mười một triệu bốn trăm nghìn đồng*) là tổng số tiền bồi thường về tinh thần, sức khỏe, các khoản chi phí ăn uống và tiền xăng xe đi lại trong thời gian ông T nằm viện điều trị. Bị cáo đã bồi thường được 2.400.000^d (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Tại phiên toà bị cáo đã nhất trí bồi thường số tiền còn lại là 9.000.000^d (*chín triệu đồng*) theo như yêu cầu của bị hại; thời hạn thanh toán kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, phương thức thanh toán trả làm một lần. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 để ghi nhận sự thoả thuận này.

[14] Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự số: 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 46/VBHN-VPQH, ngày 28/02/2025); Điều 114 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15, ngày 05/12/2025; để tịch thu tiêu huỷ vật không có giá trị sử dụng đồng thời là công cụ thực hiện hành vi phạm tội đối với 01 (*một*) thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,2 mét, ba cạnh kích thước (8x8x6) cm có khối lượng là 0,4kg (*không phải bốn kilogam*); 01 (*một*) thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,18 mét, bốn cạnh kích thước (7x4x2x5) cm có khối lượng là 1,2kg (*một*

phẩy hai kilogram) của bà **Thào Thị V** dùng để đun bếp phục vụ sinh hoạt, bà **V** không yêu cầu nhận lại, đề nghị các cơ quan tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

[15] Về án phí: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự số: 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 46/VBHN-VPQH, ngày 28/02/2025).

[17] Do vậy đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo tại phiên Tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 135/VBHN-VPQH, ngày 05/9/2025); Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 4 Điều 123, khoản 1 Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự số: 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025 (hợp nhất tại văn bản hợp nhất số: 46/VBHN-VPQH, ngày 28/02/2025); Điều 114 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15, ngày 05/12/2025; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Bồn Văn Đ** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Bồn Văn Đ** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2025 đến ngày 23/9/2025.
3. Biện pháp ngăn chặn: Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo **Bồn Văn Đ** với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.
4. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại, theo đó bị cáo **Bồn Văn Đ** có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thêm cho bị

hại **T** Thào số tiền 9.000.000^d (chín triệu đồng), thời điểm thanh toán kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, phương thức thanh toán trả làm một lần.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ đối với 01 (một) thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,2 mét, ba cạnh kích thước (8x8x6) cm có khối lượng là 0,4kg (không phải bốn kilogam); 01 (một) thanh gỗ dạng củi kích thước dài 1,18 mét, bốn cạnh kích thước (7x4x2x5) cm có khối lượng là 1,2kg (một phải hai kilogam).

(Vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng phòng PC10 **Công an tỉnh T** theo Lệnh nhập kho vật chứng số B599/LNK-VPCQCSĐT, ngày 20/7/2026)

6. Án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo **Bồn Văn Đ.**

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 7 - Tuyên Quang;
- Cơ quan CS Điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSPA, HSTHA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đặng

